

Số: /QĐ-ĐHBK

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định học vụ và đào tạo bậc Đại học theo Quyết định số 2933/QĐ-ĐHBK ký ngày 10 tháng 9 năm 2021 và Quyết định số 1260/QĐ-ĐHBK ngày 16 tháng 03 năm 2026 của Hiệu trưởng trường Đại học Bách khoa - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 03 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐTĐHBK ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng trường Trường Đại học Bách khoa về việc ban hành Quy chế tạm thời về tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Bách khoa – Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ về Quyết định số 2933/QĐ-ĐHBK ngày 10 tháng 09 năm 2021 và Quyết định số 1260/QĐ-ĐHBK ngày 16 tháng 03 năm 2026 của Hiệu trưởng trường Đại học Bách khoa về việc ban hành Quy định học vụ và đào tạo bậc Đại học;

Căn cứ Thông báo số 961/TB-ĐHBK-ĐT ngày 23 tháng 05 năm 2026 về Kết luận của Hội đồng Học vụ Trường Đại học Bách khoa học kỳ 2 năm học 2025-2026 (bổ sung);

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Đào tạo.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Thay thế phụ lục 1 của Quy định học vụ và đào tạo bậc Đại học ban hành kèm theo Quyết định số 2933/QĐ-ĐHBK ngày 10 tháng 09 năm 2021 và Quyết định số 1260/QĐ-ĐHBK ngày 16 tháng 03 năm 2026 của Hiệu trưởng trường Đại học Bách khoa – Đại học Quốc Gia Tp.HCM.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Trưởng Phòng Đào tạo, Trưởng các khoa, Trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, P.ĐT.

**HIỆU TRƯỞNG**

**GS. TS. Mai Thanh Phong**

## PHỤ LỤC 1. QUY ĐỊNH VỀ CHUẨN NGOẠI NGỮ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHBK, ngày tháng năm 2026  
của Hiệu trưởng trường Đại học Bách khoa – ĐHQG-HCM)*

### A. DÀNH CHO CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY BẰNG TIẾNG VIỆT

Các quy định chuẩn ngoại ngữ sau đây dành cho các sinh viên chương trình đào tạo giảng dạy bằng tiếng Việt. Các sinh viên tiêu chuẩn chương trình giảng dạy bằng tiếng Việt là lưu học sinh Lào, Campuchia được miễn các chuẩn ngoại ngữ từng năm và chuẩn ngoại ngữ tốt nghiệp, nhưng không được miễn các học phần tiếng Anh trong chương trình đào tạo.

#### 1. Chuẩn ngoại ngữ từng năm học

Sinh viên phải đạt chuẩn ngoại ngữ từng năm theo quy định để đăng ký môn học cho năm tiếp theo. Chuẩn ngoại ngữ từng năm được quy định cụ thể như sau:

a) Chuẩn ngoại ngữ tiếng Anh từng năm dành cho sinh viên chương trình tiêu chuẩn, vừa làm vừa học, Bảng 2

- Từ Khóa 2023 về trước

Chuẩn từng năm	Đạt tương đương	Ghi chú
Năm thứ nhất	Anh văn cơ bản 2	Học phần ngoài chương trình đào tạo
Năm thứ hai	Anh văn 1	Hết năm nhất
Năm thứ ba	Anh văn 1, 2, 3	Hết năm hai
Năm thứ tư	Anh văn 1, 2, 3, 4	Hết năm ba

- Từ Khóa 2024 về sau (áp dụng từ học kỳ 1 năm học 2026-2027)

Chuẩn từng năm	Đạt tương đương	Ghi chú
Năm thứ nhất	Anh văn cơ bản 2	Học phần ngoài chương trình đào tạo
Năm thứ hai	Anh văn 1	Hết năm nhất
Năm thứ ba, tư	Anh văn 1, 2, 3, 4	Hết năm hai

Lưu ý: Điều kiện tiên quyết của các học phần Anh văn 1, 2, 3 và 4 tương ứng là Anh văn cơ bản 2, Anh văn 1, 2 và 3.

Chuẩn ngoại ngữ tiếng Anh từng năm không áp dụng đối với sinh viên chương trình định hướng Nhật Bản, chương trình đào tạo kỹ sư chất lượng cao tại Việt Nam (PFIEV).

b) Chuẩn ngoại ngữ tiếng Pháp từng năm dành cho sinh viên Chương trình đào tạo kỹ sư chất lượng cao tại Việt Nam (PFIEV) từ khóa 2024 về sau, áp dụng từ học kỳ 1 năm học 2026-2027.

Chuẩn từng năm	Đạt tương đương	Ghi chú
Năm thứ nhất		
Năm thứ hai	Pháp văn 1	Hết năm nhất
Năm thứ ba	Pháp văn 1, 2, 3, 4	Hết năm hai
Năm thứ tư	Pháp văn 1, 2, 3, 4, 5, 6	Hết năm ba

c) Chuẩn ngoại ngữ tiếng Nhật từng năm dành cho sinh viên Chương trình định hướng Nhật Bản từ khóa 2026 về sau:

<b>Chuẩn từng năm</b>	<b>Đạt tương đương</b>	<b>Ghi chú</b>
Năm thứ nhất		
Năm thứ hai	Tiếng Nhật 1, 2	Hết năm nhất
Năm thứ ba	Tiếng Nhật 1, 2, 3, 4	Hết năm hai
Năm thứ tư	Tiếng Nhật 1, 2, 3, 4, 5, 6	Hết năm ba

## 2. Chuẩn ngoại ngữ tốt nghiệp

Chuẩn ngoại ngữ tốt nghiệp được quy định theo chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế như sau:

<b>Chương trình, hình thức đào tạo</b>	<b>Chuẩn ngoại ngữ tốt nghiệp</b>		
	<b>Tiếng Anh (tương đương TOEIC)</b>		<b>Khác</b>
	<b>Nghe-Đọc</b>	<b>Nói-Viết</b>	
Chương trình tiêu chuẩn	<b>500</b> (khóa 2018 về trước) <b>550</b> (khóa 2019) <b>600</b> (từ khóa 2020)	<b>200</b>	
Chương trình Định hướng Nhật Bản	Không áp dụng		<b>JLPT N3</b> (tiếng Nhật)
Chương trình tài năng	<b>600</b> (khóa 2018 về trước) <b>650</b> (khóa 2019) <b>700</b> (từ khóa 2020)	<b>245</b>	
Chương trình đào tạo kỹ sư chất lượng cao tại Việt Nam (PFIEV)	<b>600</b> (khóa 2018 về trước) <b>650</b> (khóa 2019) <b>700</b> (từ khóa 2020)	<b>245</b>	<b>DELFB1</b> <b>TCFB1</b> (tiếng Pháp)
Vừa làm vừa học, Đào tạo từ xa	<b>400</b> (khóa 2017 về trước) <b>450</b> (khóa 2018) <b>500</b> (khóa 2019) <b>600</b> (từ khóa 2020)	<b>200</b> (từ khóa 2021)	
Chính quy Bằng thứ hai	<i>Học chương trình đào tạo chính quy của khóa nào thì áp dụng chuẩn của khóa đó.</i>		

Các chứng chỉ tiếng Anh bao gồm đầy đủ các kỹ năng Nghe – Đọc – Nói – Viết để xét chuẩn tốt nghiệp gồm: IELTS, TOEFL iBT (không sử dụng chứng chỉ TOEFL iBT Home Edition), PET, FCE, CAE, PTE Academic, Linguaskill, APTIS ESOL. Khi đạt mức điểm tương đương TOEIC theo bảng quy đổi tại mục 3.1 của Phụ lục này, sinh viên được xét đạt chuẩn ngoại ngữ tốt nghiệp cho tất cả các kỹ năng.

Tạm thời cho phép sinh viên sử dụng kết quả các kỳ kiểm tra kỹ năng Nói – Viết do Trung tâm Ngoại ngữ Trường Đại học Bách khoa tổ chức để xét tốt nghiệp.

Khi xét điều kiện đăng ký học phần Khóa luận tốt nghiệp, cho phép áp dụng chuẩn ngoại ngữ tốt nghiệp tiếng Anh chỉ đối với kỹ năng Nghe – Đọc, Chương trình Định hướng Nhật Bản là JLPT N3 (tiếng Nhật).

### 3. Quy đổi các bằng cấp và chứng chỉ ngoại ngữ

3.1. Các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế được quy đổi tương đương như sau:

Các chứng chỉ tiếng Anh Quốc tế												Các học phần Anh văn				
TOEIC Listening & Reading	TOEFL iBT	TOEFL iBT 2026 (Overall Score)	IELTS	PET	FCE	CAE	PTE Academic	Lingua-skill	APTIS ESOL	VSTEP	VEPT	Cơ bản	1	2	3	4
400	40	2.5	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Đạt	-	-	-	-
450	49	3	-	-	-	-	-	140	-	4.0	43	Đạt	Đạt	-	-	-
500	54	3	4.0	Grade C	-	-	-	143	-	4.5	51	Đạt	Đạt	Đạt	-	-
550	59	3.5	4.5	Grade B	-	-	-	146	-	5.0	59	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	-
600	64	3.5	5.0	Grade B	-	-	41	149	B1	5.5	67	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
650	70	3.5	5.0	Grade A	-	-	43	152	-	X	X	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
700	79	4	5.5	Grade A	-	-	45	155	B1	X	X	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
785	85	4	5.5	X	Grade C, Grade B, Grade A	Level B2 Grade C, Grade B, Grade A	48	160	B2	X	X	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt

Lưu ý: Không sử dụng chứng chỉ ngoại ngữ TOEFL iBT Home Edition

Thời hạn công nhận chứng chỉ: trong thời hạn 2 năm tính từ ngày cấp cho đến ngày đăng ký xét đạt chuẩn.

Bằng tốt nghiệp bậc đại học trở lên ngành/chuyên ngành tiếng Anh được xét miễn các học phần Anh văn 1, 2, 3, 4.

3.2. Các chứng chỉ tiếng Pháp được quy đổi tương đương như sau:

Các chứng chỉ tiếng Pháp				Các học phần tiếng Pháp						
Tú tài Pháp	Tốt nghiệp phổ thông chương trình Song ngữ và tăng cường tiếng Pháp	DELFF	TCF	1	2	3	4	5	6	7*
X	X	A1	100-199	Đạt						
X	X	A2	200-299	Đạt	Đạt					
		B1, B2	300-399	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt

\*Pháp văn 7: áp dụng cho sinh viên Khóa 2018 về trước.

### 3.3. Các chứng chỉ tiếng Nhật được quy đổi tương đương như sau:

Sinh viên đã có chứng chỉ tiếng Nhật JLPT trong vòng 12 tháng, được xem xét miễn một số học phần tiếng Nhật như sau:

a) Đối với Khóa 2023 về trước:

Chứng chỉ	Được xét miễn	Ghi chú
JLPT N1	Tiếng Nhật 1, 2, 3, 4, 5, 6	
JLPT N2	Tiếng Nhật 1, 2, 3	
JLPT N3	Tiếng Nhật 1, 2	

b) Đối với Khóa 2024 về sau:

Chứng chỉ	Được xét miễn	Ghi chú
JLPT N1	Tiếng Nhật 1, 2, 3, 4, 5, 6	
JLPT N2	Tiếng Nhật 1, 2, 3, 4	
JLPT N3	Tiếng Nhật 1, 2, 3	

## 4. Nguyên tắc xét miễn các học phần tiếng Anh và các chuẩn ngoại ngữ

### 4.1. Ngay khi nhập học

Sau khi nhập học, Nhà trường tổ chức một kỳ thi xếp trình độ tiếng Anh dành cho sinh viên chương trình giảng dạy bằng tiếng Việt vừa trúng tuyển. Căn cứ vào kết quả kỳ thi, sinh viên được phân lớp hoặc đăng ký các học phần Anh văn 1, 2, 3, 4 tương ứng. Kết quả thi xếp trình độ tiếng Anh chỉ được sử dụng để xét tạm đạt điều kiện tiên quyết khi đăng ký các học phần Anh văn trong học kỳ 1 và học kỳ 2 của năm nhất; không có giá trị xét miễn bất kỳ học phần Anh văn nào trong chương trình đào tạo.

Vào cuối học kỳ 1 năm nhất, Nhà trường tổ chức thêm một kỳ kiểm tra trình độ tiếng Anh đầu vào theo định dạng TOEIC dành cho sinh viên chương trình giảng dạy bằng tiếng Việt. Kết quả kiểm tra này được sử dụng để xét miễn một lần duy nhất các học phần Anh văn 1, 2, 3, 4 tương ứng theo thang điểm quy đổi tại bảng quy đổi tại tiểu mục 3.1 mục 3 của Phụ lục này. Đối với các học phần không được miễn, sinh viên phải đăng ký học theo quy định. Sinh viên vừa trúng tuyển, đã có bằng tốt nghiệp từ bậc đại học ngành/chuyên ngành tiếng Anh, trong học kỳ đầu tiên tính từ lúc trúng tuyển, được đăng ký xét miễn các học phần Anh văn 1, 2, 3 và 4.

### 4.2. Trong quá trình học

Trong quá trình học, sinh viên có thể sử dụng chứng chỉ tiếng Anh quốc tế còn thời hạn phù hợp để được xét miễn các học phần Anh văn 1, 2, 3, 4 (theo quy định tại mục 3.1 của Phụ

lục này) và đồng thời được xét đạt chuẩn ngoại ngữ tốt nghiệp (theo quy định tại mục 2 của Phụ lục này).

## **B. DÀNH CHO CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY BẰNG TIẾNG ANH**

Quy định chuẩn ngoại ngữ này bao gồm chuẩn ngoại ngữ tiếng Anh dành cho các sinh viên chương trình Dạy và học bằng tiếng Anh, Tiên tiến.

Chuẩn ngoại ngữ tiếng Anh của cả chương trình, là điều kiện trúng tuyển vào trường và là chuẩn ngoại ngữ tốt nghiệp. Cụ thể như sau:

<b>IELTS Academic</b>	<b>PTE Academic</b>	<b>TOEFL iBT</b>	<b>TOEFL iBT 2026 (Overall Score)</b>	<b>TOEIC (*)</b>	
				<b>Nghe-Đọc</b>	<b>Nói-Viết</b>
6,0	52	79	4	730	280

(\*) Áp dụng từ khoá 2021 về sau.

Lưu ý: Không sử dụng chứng chỉ ngoại ngữ TOEFL iBT Home Edition.

Sinh viên phải có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế phù hợp và còn trong thời hạn hợp lệ để được xét đạt chuẩn. Hạn của chứng chỉ tính đến thời điểm xét.